

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN
BM LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K19

(Năm học 2016 – 2017)

I. Môn NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

1. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về nguồn gốc, bản chất, kết cấu của ý thức và vai trò của nó đối với vật chất.
2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng.
3. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
4. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.
5. Điều kiện ra đời, đặc trưng, ưu thế của sản xuất hàng hóa.
6. Hàng hóa sức lao động.
7. Chi phí sản xuất TBCN, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận; Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp; Tư bản cho vay và lợi tức cho vay.
8. Chủ nghĩa tư bản độc quyền.

II. Môn TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Thời kỳ 1911 – 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc
3. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.
4. CM giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường CM vô sản.
5. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.
6. CM giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước CM vô sản ở chính quốc.
7. CM giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường bạo lực CM.
8. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam.
9. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH.
10. Vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.
11. Vai trò, lực lượng, hình thức của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.
12. Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
13. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.

14. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

15. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”.

III. Môn ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa lịch sử sự ra đời ĐCS Việt Nam.

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

3. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

4. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954). Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

5. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964.

6. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

7. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

8. Sự hình thành tư duy của Đảng về KTTT thời kỳ đổi mới.

9. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị; Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

10. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa trước và trong thời kỳ đổi mới.

11. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội trước và trong thời kỳ đổi mới.

12. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới.

NỘI DUNG ÔN TẬP

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM

NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Ý thức có tồn tại không? Tồn tại ở đâu?

- a. Không tồn tại.
- b. Có tồn tại, tồn tại khách quan.
- c. Có tồn tại, tồn tại chủ quan.
- d. Có tồn tại, tồn tại trong linh hồn.

2. Nguồn gốc tự nhiên của ý thức là gì?

- a. Ý thức có nguồn gốc từ thần thánh.
- b. Ý thức là thuộc tính của mọi dạng vật chất.
- c. Ý thức là cái vốn có trong bộ não con người.
- d. Hoạt động của bộ não cùng mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm như thế nào về phản ánh?

- a. Phản ánh là thuộc tính của tất cả các dạng vật chất.
- b. Phản ánh là thuộc tính của ý thức.
- c. Phản ánh chỉ là đặc tính của một số dạng vật chất.
- d. Phản ánh chịu sự quy định bởi hoạt động của bộ não.

4. Hình thức phản ánh nào đặc trưng cho vật chất vô sinh?

- a. Phản ánh lý – hóa.
- b. Phản ánh sinh học.
- c. Phản ánh tâm lý.
- d. Phản ánh năng động, sáng tạo.

5. Hình thức phản ánh nào đặc trưng cho giới tự nhiên hữu sinh?

- a. Phản ánh lý – hóa.
- b. Phản ánh sinh học.
- c. Phản ánh tâm lý.
- d. Phản ánh năng động, sáng tạo.

6. Phản ánh tâm lý là phản ánh của dạng vật chất nào?

- a. Vật chất vô sinh.
- b. Giới tự nhiên hữu sinh.
- c. Động vật có hệ thần kinh trung ương.
- d. Vật chất thì không thể có phản ánh tâm lý.

7. Phản ánh năng động, sáng tạo đặc trưng cho dạng vật chất nào?

- a. Vật chất vô sinh.
- b. Giới tự nhiên hữu sinh.
- c. Động vật có hệ thần kinh trung ương.
- d. Bộ óc người.

8. Nhân tố cơ bản, trực tiếp tạo thành nguồn gốc xã hội của ý thức là nhân tố nào?

- a. Bộ óc con người

- b. Sự tác động của thế giới khách quan vào bộ óc con người.
- c. Lao động và ngôn ngữ.
- d. Hoạt động nghiên cứu khoa học.

9. Bản chất của ý thức? Chọn phán đoán sai.

- a. Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc con người một cách năng động, sáng tạo.
- b. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.
- c. Ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội.
- d. Ý thức là một hiện tượng siêu nhiên mang tính vĩnh hằng.

10. Trong kết cấu của ý thức thì yếu tố nào là quan trọng nhất?

- a. Tri thức.
- b. Tình cảm.
- c. Ý chí.
- d. Tiềm thức, vô thức.

11. Trong kết cấu của ý thức, yếu tố nào thể hiện mặt năng động của ý thức?

- a. Tri thức.
- b. Ý chí
- c. Tình cảm.
- d. Các yếu tố có vai trò như nhau.

12. Con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không?

- a. Có khả năng nhận thức nhưng nhận thức là một quá trình.
- b. Không có khả năng nhận thức.
- c. Có nhận thức được nhưng do Thượng đế mách bảo.
- d. Chỉ nhận thức được các hiện tượng không nhận thức được bản chất của sự vật.

13. Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống: Nhận thức là tích cực, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người trên cơ sở thực tiễn, nhằm sáng tạo ra những tri thức về thế giới khách quan đó.

- a. Sự phản ánh.
- b. Sự tác động.
- c. Quá trình phản ánh.
- d. Sự vận động.

14. Trường phái triết học nào cho rằng nhận thức là sự kết hợp các cảm giác của con người?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

15. Trường phái triết học nào cho rằng nhận thức của con người là sự hồi tưởng của linh hồn về thế giới ý niệm?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

16. Thực tiễn là gì?

- a. Là hoạt động sản xuất vật chất của con người.
- b. Là hoạt động vật chất và tinh thần của con người.
- c. Là hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội.
- d. Là hoạt động của con người nhằm cải tạo xã hội.

17. Điền vào chỗ trống để được định nghĩa đúng về phạm trù thực tiễn: “Thực tiễn là toàn bộ những có mục đích mang tính lịch sử xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội”?

- a. Hoạt động.
- b. Hoạt động vật chất.
- c. Hoạt động tinh thần.
- d. Hoạt động sáng tạo.

18. Hoạt động thực tiễn khác với hoạt động nhận thức vì:

- a. Hoạt động thực tiễn là hoạt động có mục đích.
- b. Hoạt động thực tiễn là hoạt động vật chất.
- c. Hoạt động thực tiễn là hoạt động có tính chất lịch sử - xã hội.
- d. Không có phương án nào đúng.

19. Hãy điền vào chỗ thiếu nói của V.I.Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý. “Từ trực quan sinh động đến, và từ đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan”.

- a. Nhận thức cảm tính.
- b. Tư duy logic.
- c. Tư duy trừu tượng.
- d. Tư duy cụ thể.

20. Trong các hình thức của hoạt động thực tiễn, hoạt động nào giữ vai trò quyết định?

- a. Hoạt động sản xuất vật chất.
- b. Hoạt động chính trị - xã hội.
- c. Thực nghiệm khoa học.
- d. Chúng có vai trò như nhau.

21. Hoạt động nguyên thủy nhất, thường xuyên nhất trong đời sống của con người là gì?

- a. Hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng – tôn giáo.
- b. Hoạt động sản xuất vật chất.
- c. Hoạt động thực nghiệm khoa học.
- d. Hoạt động chính trị - xã hội.

22. Ba hình thức cơ bản của thực tiễn là gì?

- a. Hoạt động sản xuất vật chất, hoạt động chính trị - xã hội, thực nghiệm khoa học.
- b. Hoạt động sản xuất vật chất, hoạt động chính trị xã hội và sáng tạo nghệ thuật.
- c. Hoạt động sản xuất vật chất, hoạt động sáng tạo nghệ thuật và hoạt động tín ngưỡng – tôn giáo.
- d. Hoạt động quản lý xã hội, hoạt động tín ngưỡng – tôn giáo và thực nghiệm khoa học.

23. Hoạt động nào không thuộc hoạt động thực tiễn?

- a. Hoạt động sản xuất vật chất.
- b. Hoạt động chính trị - xã hội.
- c. Hoạt động thực nghiệm khoa học.
- d. Hoạt động văn hóa nghệ thuật.

24. Giai đoạn nhận thức diễn ra trên cơ sở sự tác động trực tiếp của các sự vật lên các giác quan của con người là giai đoạn nhận thức nào?

- a. Nhận thức lý tính.
- b. Nhận thức kinh nghiệm.
- c. Nhận thức thông thường.
- d. Nhận thức cảm tính.

25. Tri thức nảy sinh trực tiếp từ lao động sản xuất là tri thức nào?

- a. Tri thức tầm thường.
- b. Tri thức kinh nghiệm.
- c. Tri thức lý luận.
- d. Tri thức khoa học.

26. Nhận thức cảm tính là giai đoạn mở đầu của quá trình nhận thức được thực hiện qua các hình thức cơ bản nào?

- a. Cảm giác, tri giác, biểu tượng.
- b. Cảm giác, tri giác, phán đoán.
- c. Cảm giác, biểu tượng, suy lý.
- d. Cảm giác, tri giác, suy lý.

27. Sắp xếp theo trình tự từ thấp đến cao các hình thức cơ bản trong giai đoạn nhận thức cảm tính?

- a. Cảm giác - biểu tượng – tri giác.
- b. Biểu tượng – cảm giác – tri giác.
- c. Tri giác – biểu tượng – cảm giác.
- d. Cảm giác – tri giác – biểu tượng.

28. Giai đoạn nhận thức nào gắn liền trực tiếp với thực tiễn?

- a. Nhận thức cảm tính.
- b. Nhận thức lý tính.
- c. Cả nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính đều gắn liền với thực tiễn.
- d. Nhận thức và thực tiễn là hai quá trình riêng biệt nên không có giai đoạn nào của nhận thức gắn liền với thực tiễn.

29. Chọn phán đoán sai về nhận thức cảm tính?

- a. Nhận thức cảm tính chỉ phản ánh được cái biểu hiện ra bên ngoài của sự vật cụ thể với tất cả tính phong phú, đa dạng của nó.
- b. Nhận thức cảm tính chưa phản ánh được cái bản chất, quy luật chi phối sự vận động và phát triển của sự vật.
- c. Nhận thức cảm tính gắn liền với thực tiễn nên nó phản ánh đúng bản chất, quy luật của sự vật.
- d. Nhận thức cảm tính chưa phân biệt được cái bản chất và cái không bản chất.

30. Giai đoạn nhận thức nào phản ánh trừu tượng, khái quát hóa những đặc điểm chung, bản chất của sự vật, hiện tượng?

- a. Nhận thức lý tính.
- b. Nhận thức lý luận.
- c. Nhận thức khoa học.
- d. Nhận thức cảm tính.

31. Nhận thức lý tính là nhận thức được thực hiện thông qua các hình thức cơ bản nào?

- a. Khái niệm, phán đoán, suy lý.

- b. Khái niệm, phán đoán, tri giác.
- c. Biểu tượng, khái niệm, suy lý.
- d. Phán đoán, tri giác, suy lý.

32. Sắp xếp theo trình tự từ thấp đến cao các hình thức cơ bản trong giai đoạn nhận thức lý tính?

- a. Khái niệm – suy lý – phán đoán.
- b. Khái niệm – phán đoán – suy lý.
- c. Phán đoán – suy lý – khái niệm.
- d. Suy lý – khái niệm – phán đoán.

33. Chọn phán đoán đúng về nhận thức lý tính?

- a. Nhận thức lý tính phản ánh được cái bản chất, cái quy luật của sự vật một cách sâu sắc.
- b. Nhận thức lý tính luôn đạt được đến chân lý mà không mắc phải sai lầm.
- c. Nhận thức lý tính là cơ sở, nền tảng của nhận thức cảm tính.
- d. Nhận thức lý tính không thể đạt đến bản chất, quy luật của sự vật vì nó không gắn liền với thực tiễn.

34. Mối quan hệ giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Chọn phán đoán sai.

- a. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính là những nấc thang hợp thành quá trình nhận thức.
- b. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính đều có những chức năng và nhiệm vụ giống nhau.
- c. Nhận thức cảm tính là cơ sở cho nhận thức lý tính, còn nhận thức lý tính, giúp cho nhận thức cảm tính có được sự định hướng đúng đắn và trở nên sâu sắc hơn.
- d. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính là hai quá trình vừa tách biệt vừa thống nhất nhau.

35. Trường phái triết học nào cho thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

36. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức? Chọn phán đoán sai.

- a. Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức.
- b. Thực tiễn là nơi nhận thức áp đặt những tri thức do con người sáng tạo ra để cải tạo hiện thực.
- c. Thực tiễn là mục đích của nhận thức.

d. Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm tra tính chân lý của quá trình nhận thức.

37. Cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức là gì?

- a. Hoạt động lý luận.
- b. Hoạt động văn hóa nghệ thuật.
- c. Hoạt động khoa học.
- d. Hoạt động thực tiễn.

38. Chọn phán đoán đúng.

- a. Khái niệm chân lý đồng nhất với khái niệm tri thức.
- b. Chân lý là một quá trình.
- c. Chân lý bao gồm cả những giả thiết khoa học.
- d. Chân lý là vĩnh cửu, tức không phụ thuộc vào trình độ nhận thức của con người.

39. Chân lý có tính chất gì? Chọn phán đoán sai.

- a. Tính khách quan.
- b. Tính tương đối.
- c. Tính trừu tượng.
- d. Tính cụ thể.

40. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, tiêu chuẩn của chân lý là gì?

- a. Thực tiễn.
- b. Tính hợp logic.
- c. Được nhiều người thừa nhận.
- d. Được các vĩ nhân thừa nhận.

41. Để tránh bớt sai lầm trong hoạt động thực tiễn cần phải làm gì trong nhận thức?

- a. Coi trọng cả nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận.
- b. Cả ba phán đoán kia đều đúng.
- c. Chống chủ nghĩa giáo điều.
- d. Chống chủ nghĩa kinh nghiệm.

42. Trong sản xuất xã hội loại hình sản xuất nào là cơ bản nhất?

- a. Sản xuất vật chất.
- b. Sản xuất tinh thần.
- c. Sản xuất ra bản thân con người.
- d. Các loại hình sản xuất có vai trò ngang nhau.

43. Để sản xuất ra của cải vật chất cần những yếu tố nào?

- a. Sức lao động.

- b. Đối tượng lao động.
- c. Tư liệu lao động.
- d. Cả 3 phán đoán kia đều đúng.

44. Toàn bộ thể lực và trí lực của con người được sử dụng trong các quá trình sản xuất vật chất được gọi là gì?

- a. Lao động.
- b. Sức lao động.
- c. Năng lực lao động.
- d. Năng suất lao động.

45. Tư liệu sản xuất bao gồm những yếu tố nào?

- a. Con người và công cụ lao động.
- b. Con người, công cụ lao động và đối tượng lao động.
- c. Đối tượng lao động và tư liệu lao động.
- d. Công cụ lao động và tư liệu lao động.

46. Trong quá trình sản xuất vật chất con người không ngừng làm biến đổi những gì?

- a. Biến đổi tự nhiên.
- b. Biến đổi xã hội.
- c. Biến đổi con người.
- d. Biến đổi tự nhiên, xã hội đồng thời làm biến đổi bản thân mình.

47. Khái niệm nào thể hiện sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất ở một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng?

- a. Hình thái kinh tế - xã hội.
- b. Phương thức sản xuất.
- c. Cơ sở hạ tầng.
- d. Kiến trúc thượng tầng.

48. Nguồn gốc kinh tế của sự vận động và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội?

- a. Sự tăng lên không ngừng của năng suất lao động.
- b. Mâu thuẫn giai cấp trong xã hội có giai cấp.
- c. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất.
- d. Sự phát triển của cơ sở kinh tế.

49. Mác viết: “con vật chỉ tái sản xuất ra bản thân nó, còn con người tái sản xuất ra.....”. Hãy chọn phán đoán đúng điền vào chỗ trống.

- a. Toàn bộ của cải vật chất.
- b. Toàn bộ giá trị tinh thần của xã hội.

- c. Toàn bộ cơ cấu hệ thống chính trị.
- d. Toàn bộ giới tự nhiên.

50. Điểm xuất phát để nghiên cứu về lịch sử xã hội của chủ nghĩa Mác là gì?

- a. Con người hiện thực.
- b. Sản xuất vật chất.
- c. Quan hệ xã hội.
- d. Đời sống tinh thần của xã hội.

51. Phương thức sản xuất là gì?

- a. Cách thức con người quan hệ với tự nhiên.
- b. Cách thức con người quan hệ với nhau trong lao động.
- c. Cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người.
- d. Cách thức con người sản xuất ra của cải xã hội.

52. Phạm trù nào biểu thị cách thức mà con người sử dụng để tiến hành quá trình sản xuất của xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định?

- a. Lực lượng sản xuất.
- b. Quan hệ sản xuất.
- c. Phương thức sản xuất.
- d. Lao động.

53. Phương thức sản xuất bao gồm những yếu tố nào?

- a. Lực lượng sản xuất và cơ sở hạ tầng.
- b. Lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.
- c. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.
- d. Quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

54. Phương diện cơ bản trong mỗi phương thức sản xuất là gì?

- a. Phương diện kỹ thuật, phương diện kinh tế.
- b. Phương diện kỹ thuật, phương diện xã hội.
- c. Phương diện kinh tế, phương diện xã hội.
- d. Phương diện kinh tế, phương diện kỹ thuật, phương diện xã hội.

55. Phương diện kỹ thuật trong phương thức sản xuất là gì?

- a. Quan hệ sản xuất.
- b. Lực lượng sản xuất.
- c. Tư liệu lao động.
- d. Đối tượng lao động.

56. Phương diện kinh tế trong phương thức sản xuất là gì?

- a. Quan hệ sản xuất.
- b. Lực lượng sản xuất.
- c. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.
- d. Đối tượng lao động.

57. Tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội trong lịch sử?

- a. Phương thức sản xuất.
- b. Hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền.
- c. Hệ thống chính trị, nhà nước.
- d. Trình độ phát triển của xã hội.

58. Lực lượng sản xuất bao gồm những nhân tố nào?

- a. Tư liệu sản xuất và người lao động.
- b. Công cụ lao động và người lao động.
- c. Đối tượng lao động và người lao động.
- d. Đối tượng lao động và công cụ lao động.

59. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thể hiện năng lực gì của con người?

- a. Trình độ nhận thức thế giới khách quan của con người.
- b. Trình độ lý luận chính trị - xã hội của con người.
- c. Trình độ chinh phục tự nhiên của con người.
- d. Năng lực tư duy của con người.

60. Yếu tố cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất là gì?

- a. Người lao động.
- b. Công cụ lao động.
- c. Phương tiện lao động.
- d. Tư liệu lao động.

61. Yếu tố giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất là gì?

- a. Người lao động.
- b. Công cụ lao động.
- c. Phương tiện lao động.
- d. Tư liệu lao động.

62. Trong lực lượng sản xuất, nhân tố nào trở thành “lực lượng sản xuất trực tiếp”?

- a. Khoa học - công nghệ.
- b. Người công nhân.

- c. Công cụ lao động.
- d. Tư liệu sản xuất.

63. Quan hệ sản xuất không bao gồm phương diện nào dưới đây?

- a. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.
- b. Quan hệ trong tổ chức – quản lý quá trình sản xuất.
- c. Quan hệ trong phân phối kết quả của quá trình sản xuất.
- d. Quan hệ tình cảm giữa nhà tư bản và công nhân.

64. Trong quan hệ sản xuất, phương diện nào giữ vai trò quyết định?

- a. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.
- b. Quan hệ trong tổ chức – quản lý quá trình sản xuất.
- c. Quan hệ trong phân phối kết quả của quá trình sản xuất.
- d. Quan hệ tình cảm giữa nhà tư bản và công nhân.

65. Mâu thuẫn biện chứng trong mỗi phương thức sản xuất là gì?

- a. Mọi quan hệ giữa LLSX và QHSX là mối quan hệ thống nhất không có mâu thuẫn.
- b. Mọi quan hệ giữa LLSX và QHSX là mối quan hệ đấu tranh của các mặt đối lập và phát sinh mâu thuẫn.
- c. Mọi quan hệ giữa LLSX và QHSX là mối quan hệ thống nhất nhưng bao hàm khả năng chuyển hóa thành các mặt đối lập và phát sinh mâu thuẫn.
- d. Mọi quan hệ giữa LLSX và QHSX là mối quan hệ bình đẳng, tác động ngang nhau.

66. Quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất?

- a. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất.
- b. Không cái nào quyết định cái nào.
- c. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất; quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất.
- d. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất.

67. Quy luật xã hội nào giữ vai trò quyết định đối với sự vận động và phát triển của xã hội?

- a. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- b. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.
- c. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng.
- d. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên, do đó không bị chi phối bởi quy luật nào.

68. Nguyên lý nào đánh dấu sự đối lập căn bản giữa thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm về xã hội?

- a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến.

- b. Nguyên lý về sự phát triển.
- c. Nguyên lý về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.
- d. Nguyên lý thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

69. Tồn tại xã hội là gì?

- a. Là sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.
- b. Là điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần của xã hội.
- c. Là tồn tại quan hệ giữa con người với nhau trong xã hội.
- d. Là sự tồn tại các hệ thống chính trị, kinh tế với nhau trong xã hội.

70. Tồn tại xã hội bao gồm những yếu tố nào? Chọn phán đoán sai.

- a. Môi trường tự nhiên.
- b. Dân số.
- c. Phương thức sản xuất.
- d. Tín ngưỡng - tôn giáo.

71. Trong tồn tại xã hội yếu tố nào là yếu tố quyết định?

- a. Phương thức sản xuất.
- b. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý.
- c. Dân số và mật độ dân số.
- d. Cả ba yếu tố có vai trò ngang nhau.

72. Ý thức xã hội ra đời từ đâu và phản ánh cái gì?

- a. Thực tiễn.
- b. Tồn tại xã hội.
- c. Thế giới khách quan.
- d. Đời sống tâm linh của con người.

73. Những tư tưởng, quan điểm đã được hệ thống hóa, khái quát hóa thành các học thuyết xã hội, được trình bày dưới dạng các khái niệm, phạm trù, quy luật được gọi là gì?

- a. Tâm lý xã hội.
- b. Ý thức xã hội thông thường.
- c. Ý thức lý luận.
- d. Hệ tư tưởng.

74. Toàn bộ đời sống tình cảm, tâm trạng, khát vọng... của những cộng đồng người nhất định, là sự phản ánh trực tiếp và tự phát đối với hoàn cảnh sống của họ được khái quát trong phạm trù nào?

- a. Tâm lý xã hội.

- b. Ý thức xã hội thông thường.
- c. Ý thức lý luận.
- d. Hệ tư tưởng.

75. Hệ thống các quan điểm xã hội như chính trị, triết học, đạo đức, tôn giáo....; là sự phản ánh gián tiếp và tự giác đối với tồn tại xã hội được khái quát trong phạm trù nào?

- a. Tâm lý xã hội.
- b. Ý thức xã hội thông thường.
- c. Ý thức lý luận.
- d. Hệ tư tưởng.

76. Mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội?

- a. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.
- b. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội.
- c. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội nhưng ý thức xã hội cũng tác động trở lại tồn tại xã hội.
- d. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội nhưng tồn tại xã hội cũng có những quy luật riêng của nó.

77. Ý thức xã hội tác động đến tồn tại xã hội trong điều kiện nào?

- a. Ý thức xã hội phải phù hợp với tồn tại xã hội.
- b. Phải thông qua hoạt động thực tiễn của con người.
- c. Ý thức xã hội phải tiến bộ, “vượt trước” tồn tại xã hội.
- d. Phải có điều kiện vật chất đảm bảo.

78. Sản xuất hàng hóa là gì?

- a. Là sản xuất ra sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của người khác thông qua trao đổi, mua bán.
- b. Là sản xuất ra sản phẩm có ích cho mọi người.
- c. Là sản xuất ra sản phẩm làm ra nhằm thỏa mãn nhu cầu cho người sản xuất.
- d. Là sản xuất ra sản phẩm làm ra nhằm thỏa mãn nhu cầu cho người sản xuất là chính, còn lại đem bán ra thị trường.

79. Sản xuất hàng hóa ra đời, tồn tại trong điều kiện nào sau đây?

- a. Xuất hiện sự phân công lao động xã hội.
- b. Có sự tách biệt tương đối về kinh tế giữa những người sản xuất.
- c. Xuất hiện sự phân công lao động xã hội và có sự tách biệt tương đối về kinh tế giữa những người sản xuất.
- d. Xuất hiện chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

80. Sản xuất hàng hóa tồn tại trong xã hội nào?

- a. Trong mọi xã hội.
- b. Trong chế độ nô lệ, phong kiến, TBCN.
- c. Trong các xã hội có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất.
- d. Chỉ có trong CNTB.

81. Mệnh đề nào dưới đây không phải là đặc trưng của sản xuất hàng hóa?

- a. Sản xuất được chuyên môn hóa ngày càng cao.
- b. Thị trường ngày càng mở rộng.
- c. Liên hệ giữa các ngành, các vùng, các nước ngày càng chặt chẽ.
- d. Sản phẩm làm ra nhằm thỏa mãn nhu cầu người sản xuất.

82. Điều không phải ưu thế của sản xuất hàng hóa?

- a. Gia tăng không hạn chế của thị trường là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển.
- b. Cạnh tranh là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.
- c. Giao lưu kinh tế và văn hóa trong nước và quốc tế ngày càng phát triển.
- d. Phân hóa giàu - nghèo.

83. Sức lao động là?

- a. Toàn bộ thể lực và trí lực trong một con người đang sống và được vận dụng để sản xuất ra giá trị sử dụng nào đó.
- b. Sức lực của con người.
- c. Hoạt động có mục đích của con người để tạo ra của cải.
- d. Cả ba phán đoán kia đều sai.

84. Sức lao động biến thành hàng hóa trong điều kiện nào?

- a. Khi người lao động được tự do thân thể.
- b. Khi người lao động bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất.
- c. Khi người sản xuất không còn điều kiện sinh sống.
- d. Cả 3 phương án kia đều đúng.

85. Bộ phận nào hợp thành giá trị hàng hoá sức lao động?

- a. Giá trị những tư liệu sinh hoạt về vật chất và tinh thần để tái sản xuất sức lao động và duy trì đời sống công nhân.
- b. Phí tổn đào tạo công nhân.
- c. Giá trị những tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần thỏa mãn nhu cầu cho gia đình công nhân.
- d. Cả 3 phương án kia đều đúng.

86. Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động có tính chất đặc biệt gì?

- a. Tạo ra của cải nhằm thỏa mãn nhu cầu con người.
- b. Tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó.
- c. Tạo ra giá trị sử dụng lớn hơn bản thân nó.
- d. Tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho người lao động.

87. Hàng hóa sức lao động mang yếu tố nào?

- a. Tinh thần và vật chất.
- b. Tinh thần và lịch sử.
- c. Vật chất và lịch sử.
- d. Tinh thần và tự do.

88. Giá trị sức lao động được đo lường gián tiếp bằng:

- a. Giá trị những tư liệu sản xuất để nuôi sống người lao động.
- b. Giá trị những tư liệu tiêu dùng để nuôi sống người lao động.
- c. Giá trị sử dụng những tư liệu tiêu dùng để nuôi sống người lao động.
- d. Giá trị những tư liệu tiêu dùng để nuôi sống nhà tư bản.

89. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động, khi sử dụng sẽ tạo ra:

- a. Giá trị mới bằng giá trị bản thân nó.
- b. Giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó.
- c. Giá trị mới nhỏ hơn giá trị bản thân nó.
- d. Giá trị sử dụng mới lớn hơn giá trị sử dụng bản thân nó.

90. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động được coi là:

- a. Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn giữa tư bản và tư bản.
- b. Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản.
- c. Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn giữa tư bản và lao động.
- d. Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của lưu thông hàng hóa.

91. Chi phí thực tế của xã hội để sản xuất hàng hóa là gì?

- a. Chi phí lao động sống và lao động quá khứ.
- b. Chi phí tư bản bất biến và tư bản khả biến.
- c. Chi phí sức lao động của toàn xã hội.
- d. Chi phí về tiền vốn, máy móc, nguyên liệu.

92. Khi hàng hóa bán đúng giá trị thì p và m quan hệ với nhau như thế nào?

- a. $p = m$.
- b. $p > m$.

c. $p < m$.

d. $p = 0$.

93. Hình thức nào không phải biểu hiện giá trị thặng dư?

a. Lợi nhuận.

b. Lợi tức.

c. Địa tô.

d. Tiền lương.

94. Tỷ suất lợi nhuận là gì?

a. Là tỷ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản khả biến.

b. Là tỷ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản bất biến.

c. Là tỷ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản ứng trước.

d. Là tỷ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản cố định.

95. Tỷ suất lợi nhuận phản ánh điều gì?

a. Trình độ bóc lột của tư bản.

b. Nghệ thuật quản lý của tư bản.

c. Hiệu quả của tư bản đầu tư.

d. Cả 3 phương án kia đều đúng.

96. Xét về mặt lượng, giữa m' và p' quan hệ như thế nào?

a. $p' = m'$.

b. $p' < m'$.

c. $p' > m'$.

d. $p' \leq m'$.

97. Nguyên nhân hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân?

a. Do cạnh tranh giữa các ngành sản xuất trong xã hội.

b. Do cạnh tranh trong nội bộ một ngành sản xuất.

c. Do cạnh tranh giữa những người sản xuất nhỏ.

d. Cả 3 phương án kia đều đúng.

98. Nguồn gốc hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân:

a. Do cạnh tranh nội bộ ngành.

b. Do cạnh tranh giữa các ngành.

c. Do địa vị độc quyền.

d. Cả ba phán đoán kia đều đúng.

99. Giá cả sản xuất được tính như thế nào?

- a. Tính bằng chi phí sản xuất tư bản cộng với lợi nhuận.
- b. Tính bằng chi phí sản xuất tư bản cộng với giá trị thặng dư.
- c. Tính bằng chi phí sản xuất tư bản cộng với lợi nhuận bình quân.
- d. Tính bằng chi phí sản xuất tư bản cộng với tỷ suất lợi nhuận bình quân.

100. Lợi nhuận bình quân phụ thuộc vào yếu tố nào?

- a. Tỷ suất lợi nhuận bình quân.
- b. Tỷ suất lợi nhuận.
- c. Tỷ suất giá trị thặng dư.
- d. Tỷ suất lợi tức.

101. Bản chất của lợi nhuận thương nghiệp trong chủ nghĩa tư bản là gì?

- a. Là số tiền lời do nhà tư bản mua rẻ bán đắt mà có.
- b. Là một phần giá trị thặng dư do tư bản công nghiệp nhường cho tư bản thương nghiệp vì họ đã tiêu thụ hàng hóa cho mình.
- c. Là tiền công lao động do công nhân thương nghiệp tạo ra.
- d. Là kết quả của quá trình trao đổi không ngang giá.

102. Lợi nhuận bình quân của các ngành khác nhau phụ thuộc vào yếu tố nào?

- a. Tư bản ứng trước.
- b. Tỷ suất giá trị thặng dư.
- c. Cấu tạo hữu cơ của tư bản.
- d. Tỷ suất lợi nhuận bình quân.

103. Lợi tức là một phần của yếu tố nào sau đây?

- a. Lợi nhuận.
- b. Lợi nhuận siêu ngạch.
- c. Lợi nhuận bình quân.
- d. Lợi nhuận ngân hàng.

104. Bản chất của lợi tức cho vay trong chủ nghĩa tư bản là gì?

- a. Là số tiền lời do đi vay với lợi tức thấp, cho vay thu lợi tức cao mà có.
- b. Là một phần lợi nhuận bình quân của nhà tư bản đi vay trả cho tư bản cho vay vì đã vay tiền của họ.
- c. Là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động do nhân viên làm thuê trong doanh nghiệp tư bản cho vay tạo ra.
- d. Là phần lợi nhuận của nhà tư bản đi vay kiếm được do vay tiền để kinh doanh.

105. Tỷ suất lợi tức cho vay trong chủ nghĩa tư bản là gì?

- a. Là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi tức và tổng tư bản tiền tệ cho vay.

- b. Là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi tức và tư bản ngân hàng.
- c. Là tỷ lệ phần trăm giữa lợi tức và tư bản tiền tệ.
- d. Là tỷ lệ phần trăm giữa lợi tức và tổng tư bản ứng ra kinh doanh.

106. Tỷ suất lợi tức không phụ thuộc vào nhân tố nào sau đây?

- a. Tỷ suất lợi nhuận bình quân.
- b. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận bình quân thành lợi tức và lợi nhuận của nhà tư bản hoạt động.
- c. Quan hệ cung cầu về tư bản cho vay.
- d. Sự cạnh tranh trong nội bộ ngành.

107. Chủ nghĩa tư bản độc quyền, đó là:

- a. Một phương thức sản xuất mới.
- b. Một giai đoạn phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- c. Một hình thái kinh tế - xã hội.
- d. Một nấc thang phát triển của xã hội.

108. Sự hình thành các tổ chức độc quyền dựa trên cơ sở chủ yếu trực tiếp nào?

- a. Sản xuất nhỏ phân tán.
- b. Tích tụ, tập trung sản xuất và sự ra đời của các xí nghiệp quy mô lớn.
- c. Sự xuất hiện các thành tựu mới của khoa học.
- d. Sự hoàn thiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

109. Khi chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời sẽ làm cho các quy luật kinh tế như thế nào?

- a. Phủ định các quy luật trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.
- b. Phủ định các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa.
- c. Làm cho các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa và của chủ nghĩa tư bản có hình thức biểu hiện mới.
- d. Không làm thay đổi các quy luật kinh tế nói chung.

110. Các tổ chức độc quyền thiết lập giá cả độc quyền để nhằm mục đích cuối cùng là gì?

- a. Thu lợi nhuận độc quyền cao.
- b. Khống chế thị trường.
- c. Gây thiệt hại cho các đối thủ cạnh tranh.
- d. Củng cố vai trò tổ chức độc quyền.

111. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền quy luật giá trị có biểu hiện mới thành quy luật nào?

- a. Quy luật giá cả sản xuất.

- b. Quy luật giá cả độc quyền.
- c. Quy luật lợi nhuận độc quyền.
- d. Quy luật lợi nhuận bình quân.

112. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành quy luật nào?

- a. Quy luật giá cả độc quyền.
- b. Quy luật lợi nhuận độc quyền cao.
- c. Quy luật lợi nhuận bình quân.
- d. Quy luật giá cả sản xuất.

113. Sự ra đời và phát triển của độc quyền ngân hàng thông qua quá trình nào sau đây:

- a. Cạnh tranh – ngân hàng nhỏ phá sản.
- b. Ngân hàng nhỏ sát nhập lại với nhau.
- c. Còn lại các ngân hàng lớn có khuynh hướng liên minh.
- d. Các phán đoán kia đều đúng.

114. Sự ra đời của tư bản tài chính là kết quả phát triển của:

- a. Độc quyền ngân hàng.
- b. Độc quyền công nghiệp.
- c. Quá trình độc quyền hóa trong công nghiệp và trong ngân hàng xoắn xuýt với nhau.
- d. Sự phát triển của thị trường tài chính.

115. Xuất khẩu hàng hóa là đặc điểm của nền sản xuất nào?

- a. Sản xuất hàng hóa giản đơn.
- b. Sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- c. Sản xuất tư bản chủ nghĩa tự do cạnh tranh.
- d. Sản xuất tư bản chủ nghĩa độc quyền.

116. Xuất khẩu tư bản là đặc điểm của:

- a. Các nước giàu có.
- b. Của chủ nghĩa tư bản.
- c. Của chủ nghĩa tư bản độc quyền.
- d. Của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.

117. Mục đích chủ yếu nhất của xuất khẩu tư bản là gì?

- a. Để giải quyết nguồn tư bản “thừa” trong nước.
- b. Chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác ở nước nhập khẩu tư bản.
- c. Thực hiện giá trị và chiếm các nguồn lợi khác ở nước nhập khẩu tư bản.

d. Giúp đỡ các nước nhập khẩu tư bản phát triển.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

118. Những tiền đề tư tưởng - lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

- a. Giá trị truyền thống dân tộc.
- b. Tinh hoa văn hoá nhân loại: văn hóa phương Đông; văn hóa phương Tây.
- c. Chủ nghĩa Mác-Lênin - cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của TT Hồ Chí Minh.
- d. Tất cả các phương án kia đều đúng.

119. Những nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

- a. Khả năng tư duy và trí tuệ của Hồ Chí Minh.
- b. Phẩm chất đạo đức của Hồ Chí Minh.
- c. Năng lực hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

120. Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) họp phiên toàn thể, khóa 24 xét danh nhân đúng vào tuổi 100 để tổ chức kỷ niệm trên thế giới, Bác Hồ được phong tặng danh hiệu gì? Vào năm nào?

- a. “Anh hùng giải phóng dân tộc” năm 1987.
- b. “Danh nhân văn hóa kiệt xuất thế giới” năm 1985.
- c. “Danh nhân văn hóa kiệt xuất thế giới, anh hùng giải phóng dân tộc” năm 1987.
- d. “Danh nhân văn hóa kiệt xuất thế giới, anh hùng giải phóng dân tộc” năm 1985.

121. “Luận cương của V.I.Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng của chúng ta”. Nguyễn Ái Quốc nói ấy khi đang ở đâu?

- a. Luân Đôn, Anh.
- b. Quảng Châu, Trung Quốc.
- c. Paris, Pháp.
- d. Máxcova, Liên Xô.

122. Nguyễn Ái Quốc đã ủng hộ phái tả trong Đảng Xã hội Pháp, ủng hộ Quốc tế III, trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người đảng viên cộng sản đầu tiên của Việt Nam năm nào?

- a. 1918.
- b. 1919.
- c. 1920.

d. 1921.

123. Tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng hình thành trong Hồ Chí Minh ở thời kỳ nào?

- a. Trước năm 1911.
- b. 1911 đến 1920.
- c. 1921 đến 1930.
- d. 1930 đến 1945.

124. Cơ sở khách quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

- a. Xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.
- b. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và giai cấp vô sản các nước tư bản phát triển.
- c. Cuộc cách mạng vô sản Nga 1917 và phong trào Quốc tế Cộng sản (3-1919).
- d. Tất cả phương án kia đều đúng.

125. Nguyễn Ái Quốc đã tiếp xúc với “Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin năm nào?

- a. 1918.
- b. 1919.
- c. 1920.
- d. 1921.

126. Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng “Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng” tại đâu? Vào năm nào?

- a. 1923 tại Mátxcova.
- b. 1924 tại Hương Cảng.
- c. 1925 tại Quảng Châu.
- d. 1926 tại Hương Cảng.

127. Nguyễn Ái Quốc nói “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Cách mạng dân tộc dân chủ.
- b. Cách mạng phản đế phản phong.
- c. Cách mạng vô sản.
- d. Cách mạng tư sản.

128. Tư tưởng cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh hình thành trong thời kỳ nào?

- a. 1890 - 1911.
- b. 1911 - 1920.

c. 1921 - 1930.

d. 1930 - 1945.

129. Nguyễn Tất Thành lần đầu tiên tiếp xúc với khẩu hiệu: “Tự do-Bình đẳng-Bác ái” vào thời gian nào?

a. Năm 12 tuổi.

b. Năm 13 tuổi.

c. Năm 14 tuổi.

d. Năm 15 tuổi.

130. Khi phải lựa chọn con đường phát triển của dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã nói: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

a. Xã hội chủ nghĩa.

b. Chế độ dân chủ nhân dân.

c. Xã hội cộng sản.

d. Xã hội tư bản.

131. CMXH ở thuộc địa trước hết phải “lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc”, “chứ chưa phải xóa bỏ sự tư hữu, sự bóc lột nói chung”. nói trên đây là của ai?

a. C. Mác.

b. Lênin.

c. Tôn Trung Sơn.

d. Hồ Chí Minh.

132. Nguyễn Ái Quốc bị tòa án Vinh (Nghệ An) xử vắng mặt và bị khép vào tội tử hình vào thời gian nào?

a. 10-1925.

b. 10-1929.

c. 10-1930.

d. 10-1932.

133. Cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề gì?

a. Cách mạng giải phóng dân tộc.

b. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

c. Đại đoàn kết toàn dân.

d. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

134. Nguyễn Ái Quốc nói: “Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân [...]. Vậy nên cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

a. Người lãnh đạo cách mệnh

b. Đảng cách mệnh.

c. Chủ nghĩa.

d. Đường lối đúng đắn.

135. Nguyễn Ái Quốc cho rằng: “Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Giành được thắng lợi.
- b. Giành thắng lợi vẻ vang.
- c. Nổi ra ở một nước nhỏ, kém phát triển.
- d. Giành được thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc.

136. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong tư tưởng Hồ Chí Minh?

- a. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết.
- b. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp.
- c. Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác.
- d. Tất cả các phương án kia đều đúng.

137. Năm 1925 Nguyễn Ái Quốc viết:

“Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Động lực của cách mạng.
- b. Sức mạnh của cách mạng vô sản.
- c. Cái cánh của cách mạng vô sản.
- d. Điều kiện của cách mạng vô sản.

138. Trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh, giải phóng dân tộc đã bao hàm một phần..... Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Giải phóng giai cấp.
- b. Giải phóng con người.
- c. Giải phóng xã hội.
- d. Giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

139. Hồ Chí Minh nói: “Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do [...]. Chúng ta phải đấu tranh cho tự do, độc lập của các dân tộc khác.....” Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Như dân tộc mình.
- b. Để họ giúp đỡ lại mình.
- c. Như là đấu tranh cho dân tộc ta vậy.
- d. Đang bị áp bức.

140. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, cách mạng xã hội ở thuộc địa trước hết phải làm gì?

- a. Phải xóa bỏ sự tư hữu.

- b. Phải lật đổ ách thống trị của CN đế quốc.
- c. Phải đem lại ruộng đất cho nông dân.
- d. Phải xóa bỏ mọi sự bóc lột nói chung.

141. Trước CM tháng 8-1945, Nguyễn Ái Quốc phân biệt ba loại cách mạng: cách mạng tư sản, cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc; đồng thời Người nhấn mạnh tính chất và nhiệm vụ của CM Việt Nam là..... Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Cách mạng vô sản.
- b. Cách mạng tư sản.
- c. Cách mạng giải phóng dân tộc.
- d. Cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc.

142. Xác định mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc, HCM nói: “Cuộc CM Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc CM tư sản dân quyền, cuộc CM phải giải quyết hai vấn đề phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc CM chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng” trong hoàn cảnh nào?

- a. Đại hội thành lập Đảng 1930.
- b. Đại hội Đại biểu lần thứ nhất của Đảng tháng 3 năm 1935.
- c. Hội nghị BCHTW Đảng tháng 11 năm 1940.
- d. Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ tám ngày 19 tháng 5 năm 1941.

143. “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. nói trên của Hồ Chí Minh ở trong tác phẩm nào của Người?

- a. Đạo đức cách mạng.
- b. Đường cách mệnh.
- c. Di chúc.
- d. Sửa đổi lối làm việc.

144. Đối tượng của CM ở thuộc địa theo quan điểm của Hồ Chí Minh?

- a. Là giai cấp tư sản bản xứ.
- b. Là giai cấp địa chủ nói chung.
- c. Là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động.
- d. Mọi giai cấp, tầng lớp bóc lột trong xã hội.

145. Theo Nguyễn Ái Quốc, cách mạng muốn thắng lợi “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”. này Người nói ở tác phẩm nào?

- a. Trong tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp.

- b. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
- c. Trong tác phẩm Đường cách mệnh.
- d. Trong Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ tám (19/5/1941).

146. Nguyễn Ái Quốc viết “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Vận mệnh của các dân tộc thuộc địa.
- b. Vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa.
- c. Vận mệnh của giai cấp nông dân ở các thuộc địa.
- d. Vận mệnh của giai cấp vô sản ở các thuộc địa.

147. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Hồ Chí Minh xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả dân tộc, trong lực lượng toàn dân tộc, thì vai trò, động lực cách mạng là công nhân và nông dân. Người nói: “Công nông.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. “Lãnh đạo cách mạng”.
- b. “Là lực lượng quan trọng của cách mạng”.
- c. “Là lực lượng chủ yếu của cách mạng”.
- d. “Là gốc cách mệnh”.

148. Hồ Chí Minh nói: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng.....chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Phương pháp đấu tranh nghị trường.
- b. Bạo lực cách mạng.
- c. Lực lượng toàn dân.
- d. Phương pháp đấu tranh hòa bình.

149. Hồ Chí Minh nói: “Muốn người ta giúp cho thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”, “Đem sức ta mà.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Xây dựng đất nước ta.
- b. Bảo vệ tổ quốc ta.
- c. Giải phóng cho ta.
- d. Giải phóng tổ quốc ta.

150. Điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh được nêu trong tác phẩm Di chúc là gì?

- a. Xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh.
- b. Làm cho mọi người dân hạnh phúc.

c. Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

d. Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất.

151. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội: “Nói một cách tóm tắt, mục đích, chủ nghĩa xã hội trước hết làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có....., được ấm no và sống một cuộc đời hạnh phúc”. Hãy điền vào chỗ trống.

a. Cơm ăn áo mặc.

b. Học hành.

c. Công ăn việc làm.

d. Cuộc sống ấm no.

152. Hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện nói của Hồ Chí Minh: “Chế độ chủ nghĩa xã hội và Cộng sản chủ nghĩa là chế độ do.....”.

a. Nhân dân lao động làm chủ.

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa làm chủ.

c. Công nông làm chủ.

d. Công – nông – trí thức làm chủ.

153. Hồ Chí Minh nói: “Nhà nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân chỉ lo làm lợi cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, ngày càng được tiến bộ về vật chất và tinh thần, làm cho trong xã hội.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

a. Mọi người được ấm no, tự do, hạnh phúc.

b. Không có người bóc lột người.

c. Không có người nghèo khổ.

d. Công bằng dân chủ.

154. Sau CM tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh nói: “Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải”. Hãy điền vào chỗ trống.

a. Nâng cao dân trí.

b. Xóa nạn mù chữ.

c. Phát động phong trào bình dân học vụ.

d. Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

155. Theo Hồ Chí Minh, kẻ thù hung ác của chủ nghĩa xã hội là ai?

a. Giặc ngoại xâm.

b. Chủ nghĩa tư bản.

c. Chủ nghĩa đế quốc.

d. Chủ nghĩa cá nhân.

156. Quan điểm của Hồ Chí Minh về bước đi xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: “Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ hai bàn tay trắng đi lên thì khó khăn còn nhiều và lâu dài” “Phải làm dần dần”, “không thể.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Làm nhanh.
- b. Vội vàng được.
- c. Một sớm một chiều.
- d. Trông chờ vào sự giúp đỡ của các nước khác.

157. Về “bước đi” lên CNXH ở VN như thế nào?

Hồ Chí Minh nói “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội” không có nghĩa là..... mà phải làm vững chắc từng bước, phù hợp với điều kiện thực tế. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. “Đốt cháy giai đoạn”.
- b. Làm bừa, làm ẩu.
- c. Không đếm xỉa gì đến thực trạng nghèo nàn lạc hậu của nước ta.
- d. Làm bừa, làm ẩu, “đốt cháy giai đoạn”, chủ quan, duy ý chí.

158. Theo Hồ Chí Minh, nhiệm vụ cơ bản của nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH là gì?

- a. Xây dựng cơ sở vật chất của CNXH.
- b. Xây dựng nền kinh tế mới XHCN.
- c. Kết hợp cải tạo với xây dựng mà xây dựng là chủ yếu.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

159. Theo Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam cần phải có Đảng để làm gì? Hãy chọn phương án SAI.

- a. Xác định đường lối CM đúng đắn và phương pháp CM thích hợp.
- b. Tổ chức dân chúng thực hiện đường lối, cách mạng do Đảng đề ra.
- c. Gắn CM Việt Nam với CM thế giới nhằm tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam.
- d. Đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

160. Theo Hồ Chí Minh thì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của ai?

- a. Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.
- b. Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của dân tộc Việt Nam.
- c. Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của nhân dân Việt Nam.
- d. Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam.

161. Để xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như.....”, “chủ nghĩa” ấy là chủ nghĩa Mác – Lênin”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Người không có học thức.
- b. Người không có trí khôn.
- c. Tàu không có bánh lái.
- d. Người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

162. Hồ Chí Minh đã nói về đại đoàn kết dân tộc:

“Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ: Đoàn kết toàn dân,”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Đánh đuổi Pháp, Nhật.
- b. Làm ra sức mạnh.
- c. Phụng sự Tổ quốc.
- d. Giành lấy thắng lợi.

163. Hồ Chí Minh cho rằng phải đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Người nêu rõ: “Đoàn kết phải gắn với.....,để tăng cường đoàn kết”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Tương trợ.
- b. Đấu tranh.
- c. Tương thân tương ái.
- d. Phê bình và tự phê bình.

164. Hồ Chí Minh nói về sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận: “Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận..... thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Tài năng của Đảng.
- b. Đảng là bộ phận hoạt động nhất và chân thực nhất.
- c. Chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng.
- d. Công lao của Đảng.

165. “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta, của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Hồ Chí Minh nói đó ở tác phẩm nào?

- a. Đạo đức cách mạng.
- b. Sửa đổi lối làm việc.
- c. Thường thức chính trị.
- d. Di chúc.

166. Tên gọi của Mặt trận dân tộc thống nhất hiện nay ở nước ta là gì?

- a. Mặt trận dân tộc.
- b. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- c. Mặt trận Liên Việt.
- d. Mặt trận Việt Minh.

167. “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì để ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”. Hãy xác định luận điểm trên của Hồ Chí Minh nói về vấn đề gì sau đây:

- a. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc.
- b. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc.
- c. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc.
- d. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của khối đại đoàn kết dân tộc.

168. Hồ Chí Minh khái quát nội dung Nhà nước do dân như sau:

“Đó là Nhà nước do dân lựa chọn, do dân bầu ra làm đại diện cho mình. Nhà nước đó do.....và dân đóng thuế để nhà nước chi tiêu và hoạt động”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Dân ủng hộ.
- b. Dân ủng hộ, giúp đỡ.
- c. Dân ủng hộ, giúp đỡ, xây dựng.
- d. Dân ủng hộ, giúp đỡ, phê bình, xây dựng.

169. Hồ Chí Minh cho rằng: Một nhà nước chỉ vì dân khi nhà nước đó là của dân, do dân. Người nói: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là dân là chủ. Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ từ Trung ương đến khu, đến tỉnh, đến huyện, đến xã, bất kỳ ở cấp nào và ngành nào – đều phải là.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Người cán bộ trung thành của nhân dân.
- b. Người lãnh đạo trung thành của nhân dân.
- c. Người phục vụ trung thành của nhân dân.
- d. Người đầy tớ trung thành của nhân dân.

170. Nhà nước dân chủ thì dân chủ và pháp luật phải luôn luôn đi đôi với nhau. Không thể có dân chủ ngoài pháp luật. Người nói: “Làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình,.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Thực hiện dân chủ trong pháp luật.
- b. Nhân dân giám sát công việc của chính phủ.
- c. Để kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước.
- d. Dám nói, dám làm.

171. Hồ Chí Minh khái quát nội dung “Nhà nước của dân” như sau:

***“Nước ta là nước dân chủ
Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.
Bao nhiêu quyền hạn đều của dân
Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra
Nói tóm lại,.....”***

Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Nhà nước là của dân.
- b. Nước là của dân. Dân là của nước.
- c. Quyền hành và lợi ích đều của dân.
- d. Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

172. Theo Hồ Chí Minh đạo đức cách mạng là một phạm trù lịch sử, nghĩa là nó cũng thay đổi theo nhiệm vụ từng thời kỳ của cách mạng. Người nói: “Đạo đức xã hội chủ nghĩa không phải ở đâu cũng biểu hiện giống nhau. Ở nước ta đạo đức xã hội chủ nghĩa là.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Lao động xây dựng nước nhà.
- b. Cần kiệm xây dựng nước nhà.
- c. Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.
- d. Học tập, lao động, nghiên cứu khoa học.

173. Hội nghị trung ương 8 (5/1941) do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chủ trì để chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa diễn ra ở đâu?

- a. Hang Pác Bó, Cao Bằng.
- b. Tân Trào, Tuyên Quang.
- c. Chợ Đồn, Bắc Kạn.
- d. Bắc Hà, Lào Cai.

**174. Hồ Chí Minh nói: “Cái tôi cần nhất trên đời này là đồng bào tôi
.....”. Hãy chọn phương án đúng điền vào chỗ trống.**

- a. Ai cũng có công ăn việc làm.
- b. Được tự do, tổ quốc tôi được độc lập.
- c. Ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.
- d. Ai cũng được hạnh phúc.

175. Trung với nước là trung với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Người nói: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước!”. Bác Hồ đã nói này ở đâu, trong hoàn cảnh nào?

- a. Ở chiến khu Việt Bắc trong Chiến dịch Biên giới.
- b. Ở đền Hùng khi Hồ Chí Minh đến thăm năm 1950.
- c. Ở Hà Nội năm 1946 khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam.

d. Ở đền Hùng khi Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với bộ đội về tiếp quản thủ đô năm 1954.

176. Theo Hồ Chí Minh, CẦN nghĩa là gì?

- a. Lao động cần cù, có kế hoạch.
- b. Lao động có kế hoạch, có năng suất cao, cần cù, siêng năng.
- c. Lao động cần cù, có năng suất cao.
- d. Lao động siêng năng, chăm chỉ; có kế hoạch, hiệu quả và năng suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh.

177. “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Hồ chí Minh nói này ở đâu, năm nào, trong hoàn cảnh nào?

Hãy chọn phương án đúng.

- a. Ở Hà Nội, 1946 khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.
- b. Ở Hà Nội, 1964 khi đế quốc Mỹ ném bom Miền Bắc nước ta.
- c. Ở Hà Nội, 1965, khi đế quốc Mỹ ồ ạt đem quân vào miền Nam Việt Nam.
- d. Chiến dịch Thu Đông năm 1947 ở Việt Bắc.

178. Phương án nào sau đây không phải quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới?

- a. Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.
- b. Xây đi đôi với chống. Xây dựng đạo đức mới phải chống những thói quen và tập quán lạc hậu và loại trừ CN cá nhân.
- c. Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.
- d. Nói ít làm nhiều.

179. Hồ Chí Minh nói: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do..... mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Điền vào chỗ trống.

- a. Rèn luyện hằng ngày.
- b. Đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày.
- c. Con người xây dựng.
- d. Đảng cách mạng.

180. Hồ Chí Minh nói về “đạo làm gương”:

“Một trăm bài diễn văn hay không bằng một tấm gương sống”.

“Muốn hướng dẫn nhân dân mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”.

“Tốt nhất là....., làm gương cho người khác bắt chước”

Hãy chọn phương án đúng điền vào chỗ trống.

- a. Làm trước nói sau.

- b. Miệng nói, tay làm.
- c. Nói ít làm nhiều.
- d. Làm mà đừng nói.

181. Hồ Chí Minh nói về tiêu chí “Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức” bao gồm các nội dung:

- “1. Không được nói nhiều làm ít.**
- 2. Không được nói mà không làm.**
- 3. Không được nói một đằng làm một nẻo.**
- 4.....”**

Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Không được mồm mép đỡ chân tay.
- b. Phải nêu gương về đạo đức.
- c. Không được nói thì hay mà làm thì dở.
- d. Không được noi theo người xấu, làm việc xấu.

182. Phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc – tháng 1 năm 1946, Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta giành được tự do độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Dân có việc làm.
- b. Dân được ăn no, mặc đủ.
- c. Dân được thực sự làm chủ.
- d. Ai cũng được học hành.

183. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”:

“Muốn tiến lên CNXH thì phải có con người XHCN, muốn có con người XHCN phải có....., muốn có..... phải gột rửa chủ nghĩa cá nhân”. “Nếu không có.....thì không làm việc XHCN được”. “Không những phải học cho biết kỹ thuật, mà còn phải học lý luận về đạo đức, tinh thần nữa”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Quan điểm XHCN.
- b. Lối sống XHCN.
- c. Tinh thần tập thể.
- d. Tư tưởng XHCN.

184. Hồ Chí Minh nói về nội dung dạy và học: “Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là.....Đó là cái gốc, rất quan trọng, nếu không có.....thì tài cũng vô dụng”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Đạo đức của con người.
- b. Đạo đức cách mạng.

- c. Biết yêu thương con người.
- d. Tấm lòng yêu nước.

185. Hồ Chí Minh nói về nội dung học và dạy:

“Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức.

Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất quan trọng, nếu không có đạo đức cách mạng thì.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Không làm việc cách mạng được.
- b. Tài cũng vô dụng.
- c. Không phát huy được tài năng.
- d. Không làm việc XHCN được.

186. Các nói nổi tiếng sau đây, nào là của Hồ Chí Minh?

- a. "Học, học nữa, học mãi".
- b. "Học không biết chán, dạy không biết mỏi".
- c. "Việc học không bao giờ cùng, còn sống còn phải học".
- d. Cả 3 phương án kia đều đúng.

187. Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu của giáo dục là gì?

- a. Xóa nạn mù chữ, làm cho mọi người dân biết đọc, biết viết.
- b. Hình thành đội ngũ trí thức cách mạng.
- c. Đào tạo những con người tốt, những cán bộ tốt.
- d. Phát triển khoa học nước nhà.

188. Theo Hồ Chí Minh, nội dung của nền giáo dục mới là gì?

- a. Giáo dục toàn diện cả đức, trí, thể, mỹ.
- b. Giáo dục tư tưởng chính trị.
- c. Giáo dục thái độ lao động.
- d. Giáo dục tri thức văn hóa.

189. Chọn phương án đúng điền vào chỗ trống để hoàn thiện quan điểm của Hồ Chí Minh:

“Học để làm việc,....., làm cán bộ”.

- a. Có trí thức.
- b. Làm người.
- c. Làm cách mạng.
- d. Phục vụ nhân dân.

190. Theo Hồ Chí Minh, người sinh viên “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ, muốn đạt được mục đích ấy phải:.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Biết chú trọng cả tài lẫn đức.
- b. Học đi đôi với lao động. Lý luận đi đôi với thực hành.
- c. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.
- d. Việc học không bao giờ cùng, còn sống còn phải học.

191. Theo Hồ Chí Minh sinh viên phải rèn luyện cho mình những đức tính như: trung thành, tận tụy, thật thà và chính trực. Phải xác định rõ nhiệm vụ của mình, “không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình.....”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Đã làm gì cho nước nhà?
- b. Đã làm thế nào cho ích lợi nước nhà nhiều hơn?
- c. Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phần đầu chùng nào?
- d. Tất cả các kia đều đúng.

192. Hồ Chí Minh nói “Trông người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần.....”.

- a. Có những tư tưởng xã hội chủ nghĩa.
- b. Có nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.
- c. Đào tạo những con người mới.
- d. Có những con người xã hội chủ nghĩa.

193. Quan tâm của Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ giáo viên: “Người đi giáo dục phải học thêm mãi, học không bao giờ đủ, còn sống còn phải học”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Phải yêu nghề.
- b. Cũng phải được giáo dục.
- c. Phải có đạo đức cách mạng.
- d. Phải yên tâm công tác.

194. Hồ Chí Minh coi trọng văn hóa, học vấn, trí tuệ. Người nói: “Muốn xây dựng CNXH thì nhất định phải có..... Cần phải học văn hóa, chính trị, kỹ thuật”. “Người có học mới có tiến bộ, càng học càng tiến bộ”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Học thức.
- b. Bằng cấp.
- c. Khoa học.
- d. Văn hóa.

195. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Phải làm thế nào cho văn hóa thấm sâu vào tâm lý quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được những tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ; văn hóa phải Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Xây dựng tình cảm cao đẹp.

- b. Bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn.
- c. Giáo dục lại tinh thần nhân dân.
- d. Soi đường cho quốc dân đi.

196. Hồ Chí Minh nói về quan hệ văn hóa với chính trị: “Văn hóa với chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau..... xưa kia chính trị bị đàn áp, nền văn hóa của ta vì thế không nảy sinh được. Nay nước ta đã độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có một nền văn hóa hợp với khoa học và hợp cả với nguyện vọng của dân”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Bổ sung cho nhau.
- b. Có văn hóa mới có chính trị.
- c. Có chính trị mới có văn hóa.
- d. Nhưng chính trị cần phải đi trước văn hóa.

197. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội. Người nói: “Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Chính trị
- b. Kinh tế và chính trị.
- c. Kinh tế.
- d. Chính trị - xã hội.

198. Hồ Chí Minh nói về quan hệ văn hóa với kinh tế: “Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng; nhưng cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển được”...

“Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển và văn hóa... Tục ngữ ta có câu: có thực mới vực được đạo, vì thế phải đi trước”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Sản xuất.
- b. Kinh tế.
- c. Chính trị.
- d. Xã hội.

199. Hồ Chí Minh nói: “Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Người sáng tạo ra đời sống tinh thần nữa.
- b. Người lao động sáng tạo ra văn học nghệ thuật nữa.
- c. Người sáng tác nữa.
- d. Người thưởng thức văn học nghệ thuật nữa.

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

200. Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản được diễn ra thời điểm nào, ở đâu?

- a. Từ ngày 3/2 đến ngày 7/2/1930, Quảng Châu, Trung Quốc.
- b. Từ ngày 06/1 đến ngày 7/2/1930, Hương Cảng, Trung Quốc.
- c. Từ ngày 5/2 đến ngày 29/2/1930, Hương Cảng, Trung Quốc.
- d. Ngày 7/2/1930, Hương Cảng, Trung Quốc.

201. Hội nghị thành lập Đảng quyết định lấy tên Đảng là gì?

- a. Đảng Lao động Việt Nam.
- b. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- c. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- d. Đông Dương Cộng sản đảng.

202. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do ai soạn thảo?

- a. Nguyễn Ái Quốc.
- b. Trần Phú.
- c. Lê Hồng Phong.
- d. Hà Huy Tập

203. Mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng nêu ra là gì?

- a. Làm cách mạng giải phóng dân tộc.
- b. Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.
- c. Cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- d. Cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

204. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Đảng ta xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “..... và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Hãy điền vào chỗ trống.

- a. Xã hội chủ nghĩa.
- b. Tư sản dân quyền.
- c. Dân tộc dân chủ.
- d. Dân tộc dân chủ nhân dân.

205. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, xác định giai cấp nào là lực lượng lãnh đạo cách mạng?

- a. Giai cấp tư sản.
- b. Giai cấp vô sản.

- c. Giai cấp nông dân.
- d. Giai cấp địa chủ.

206. Đại biểu các tổ chức cộng sản nào đã tham dự Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930?

- a. Đông Dương cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.
- b. Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam cộng sản Đảng.
- c. An Nam cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.
- d. Đông Dương cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

207. Đảng Cộng sản Việt Nam đã hoàn thành việc hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong thời gian nào?

- a. 6/1/1930.
- b. 7/2/1930.
- c. 24/2/1930.
- d. 4/1930.

208. Sự kiện nào được Nguyễn Ái Quốc đánh giá “nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”?

- a. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930).
- b. Chi bộ cộng sản đầu tiên của Việt Nam ra đời (1929).
- c. Thành lập tổ chức Công hội đỏ Bắc Kỳ (1929).
- d. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản (1929).

209. Để làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8/1945, chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” đã đề ra chủ trương gì?

- a. Phát động tổng khởi nghĩa.
- b. Phát động khởi nghĩa từng phần.
- c. Phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

210. Ngày 16-8-1945, Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào - Tuyên Quang quyết định thành lập tổ chức nào?

- a. Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam.
- b. Mặt trận Việt Minh.
- c. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.
- d. Mặt trận nhân dân Đông Dương.

211. Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào, Tuyên Quang (từ ngày 13 đến 15-8-1945) chỉ rõ khẩu hiệu đấu tranh của nhân dân ta lúc này là gì?

- a. “Phản đối xâm lược”.
- b. “Hoàn toàn độc lập”.
- c. “Chính quyền nhân dân”.
- d. Cả 3 phương án kia đều đúng.

212. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật – Pháp” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra ở đâu?

- a. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (5/1941).
- b. Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945).
- c. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 13 đến 15/8/1945).
- d. Đại hội quốc dân Tân Trào (16/8/1945).

213. Nhân tố chủ yếu nào quyết định thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945?

- a. Liên minh công - nông.
- b. Bối cảnh quốc tế thuận lợi.
- c. Sự lãnh đạo của Đảng.
- d. Thành lập mặt trận dân tộc thống nhất.

214. Đêm 9-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng đề ra Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ở đâu?

- a. Bắc Sơn - Vũ Nhai.
- b. Bắc Bó - Cao Bằng.
- c. Từ Sơn - Bắc Ninh.
- d. Tân Trào - Tuyên Quang.

215. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (1945) xác định kẻ thù cụ thể trước mắt, duy nhất của nhân dân Đông Dương là ai?

- a. Quân Nhật.
- b. Quân Pháp.
- c. Quân Nhật – Pháp
- d. Quân Tưởng.

216. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (1945) xác định phương châm đấu tranh là gì?

- a. Chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng.
- b. Tổng tấn công và nổi dậy trên phạm vi cả nước.
- c. Tập trung, thống nhất và kịp thời.
- d. Trường kỳ kháng chiến.

217. Chỉ thị «Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta» dự kiến thời cơ Tổng khởi nghĩa là khi nào?

- a. Khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương.
- b. Trước khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ II.
- c. Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ II.
- d. Trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương.

218. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (4/1945) xác định nhiệm vụ quan trọng, cần kíp lúc bấy giờ là gì?

- a. Nhiệm vụ quân sự.
- b. Nhiệm vụ chính trị.

- c. Nhiệm vụ kinh tế.
- d. Nhiệm vụ ngoại giao.

219. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (4/1945) quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang và lấy tên là gì?

- a. Cứu quốc quân.
- b. Việt Nam giải phóng quân.
- c. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- d. Vệ quốc quân.

220. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 được Đảng ta đưa ra trong hội nghị nào?

- a. Hội nghị mở rộng của Ban thường vụ Trung ương Đảng (9/3/1945).
- b. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).
- c. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (15/4/1945).
- d. Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương Đảng (5/1941).

221. Quyết định đặt tên nước là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xác định quốc kỳ, quốc ca được đưa ra tại cuộc họp nào?

- a. Hội nghị mở rộng của Ban thường vụ Trung ương Đảng (9/3/1945).
- b. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).
- c. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (15/4/1945).
- d. Đại hội đại biểu quốc dân - Quốc dân đại hội (16/8/1945).

222. Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào (16/8/1945) đã quyết định những vấn đề gì?

- a. Tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng; quyết định đặt tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xác định quốc kỳ, quốc ca.
- b. Thông qua Mười chính sách của Việt Minh.
- c. Thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

223. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945) xác định nguyên tắc để chỉ đạo khởi nghĩa là gì?

- a. Chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng.
- b. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- c. Đánh chiếm vùng thành thị, sau đó mở rộng đến vùng nông thôn.
- d. Tập trung, thống nhất và kịp thời, đánh chiếm những nơi chắc thắng.

224. Ủy ban giải phóng dân tộc do ai làm chủ tịch?

- a. Hồ Chí Minh.
- b. Trường Chinh.
- c. Phạm Văn Đồng.
- d. Võ Nguyên Giáp.

225. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương (2-1951) đã đưa ra quyết định gì?

- a. Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

- b. Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.
- c. Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương.
- d. Đảng tiếp tục hoạt động bí mật chờ thời cơ để ra hoạt động công khai.

226. Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam được nêu trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam là gì?

- a. Đánh đuổi đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai để giành độc lập, tự do cho dân tộc.
- b. Xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho dân cày có ruộng.
- c. Phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tạo cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

227. Trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam xác định đối tượng chính của cách mạng Việt Nam là ai?

- a. Phong kiến phản động.
- b. Tư sản phản động.
- c. Chủ nghĩa đế quốc xâm lược mà cụ thể là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ.
- d. Địa chủ, tư sản phản động cấu kết với thực dân Pháp.

228. Tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 họp bàn về cách mạng miền Nam, xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?

- a. Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến.
- b. Thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng.
- c. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở Miền Nam.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

229. Ở miền Nam, quân dân ta đã đánh bại chiến lược chiến tranh nào của Mỹ trong giai đoạn 1961 - 1965?

- a. Chiến tranh đơn phương.
- b. Chiến tranh cục bộ.
- c. Việt Nam hóa chiến tranh.
- d. Chiến tranh đặc biệt.

230. Ở miền Nam, quân dân ta đã đánh bại chiến lược chiến tranh nào của Mỹ và chư hầu trong giai đoạn 1965 - 1968?

- a. Chiến tranh đơn phương.
- b. Chiến tranh cục bộ.
- c. Việt Nam hóa chiến tranh.
- d. Chiến tranh đặc biệt.

231. “Ba mũi giáp công” trong đường lối đấu tranh của Đảng giai đoạn 1965 - 1975 là gì?

- a. Quân sự, chính trị, binh vận.

- b. Đồng bằng, trung du, miền núi.
- c. Kinh tế, chính trị, văn hóa.
- d. Kinh tế, chính trị, ngoại giao.

232. Trong chiến lược *Chiến tranh đặc biệt*, Mỹ sử dụng những công cụ nào?

- a. Ngụy quân, ngụy quyền.
- b. Ngụy quân, quân chư hầu.
- c. Ngụy quân, ngụy quyền, áp chiến lược và đô thị.
- d. Áp chiến lược và đô thị.

233. Cuộc ném bom rải thảm 12 ngày đêm bằng máy bay B.52 tại Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác của đế quốc Mỹ diễn ra vào thời gian nào?

- a. Từ ngày 18 đến 30/12/1972.
- b. Từ ngày 19 đến 31/12/1972.
- c. Từ ngày 18 đến 30/12/1971.
- d. Từ ngày 19 đến 31/12/1971.

234. Đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam nước ta nhằm thực hiện âm mưu gì?

- a. Biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- b. Xây dựng căn cứ quân sự để ngăn chặn ảnh hưởng của CNXH tràn xuống các khu vực còn lại ở phía Đông Nam châu Á.
- c. Tiến công CNXH ở miền Bắc.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

235. Điền vào chỗ trống: Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9-1954 đã chỉ ra cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới là: “....., nước nhà tạm chia làm hai miền, từ nông thôn chuyển vào thành thị, từ phân tán chuyển đến tập trung”.

- a. Từ củng cố chuyển sang xây dựng.
- b. Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình.
- c. Từ phòng thủ chuyển sang phản công.
- d. Từ đấu tranh chuyển sang phòng thủ.

236. Nội dung đường lối toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp được thể hiện tập trung trong văn kiện nào?

- a. *Toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng (12/12/1946).
- b. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh (19/12/1946)
- c. Tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Trường Chinh (7/1947).
- d. Cả 3 văn kiện trên.

237. Phương châm tác chiến của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

- a. Đánh nhanh, thắng nhanh.

- b. Đánh thần tốc, táo bạo, chắc thắng.
- c. Đánh thần tốc, táo bạo.
- d. Đánh chắc, tiến chắc.

238. Trong các bài học kinh nghiệm rút ra từ Cách mạng Tháng Tám, bài học nào có ý nghĩa hàng đầu trong đường lối cách mạng của Đảng?

- a. Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.
- b. Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.
- c. Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công nông.
- d. Gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến

239. Ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp Hội nghị mở rộng để phát động toàn quốc kháng chiến tại đâu?

- a. Bắc Sơn - Vũ Nhai.
- b. Pác Bó - Cao Bằng.
- c. Từ Sơn - Bắc Ninh.
- d. Vạn Phúc - Hà Đông.

240. Tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp trong giai đoạn 1945 – 1954 là gì?

- a. Dân tộc giải phóng và dân chủ mới.
- b. Cách mạng tư sản dân quyền.
- c. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- d. Thổ địa cách mạng.

241. Phương châm tiến hành kháng chiến chống Pháp trong giai đoạn 1945 – 1954 là gì?

- a. Toàn dân, toàn diện.
- b. Trường kỳ kháng chiến.
- c. Tự lực cánh sinh.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

242. Nội dung thể hiện đường lối kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) trên lĩnh vực chính trị là gì? Chọn phương án sai.

- a. Đoàn kết toàn dân.
- b. Xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân.
- c. Xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản.
- d. Đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình.

243. Nội dung thể hiện đường lối kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) trên lĩnh vực kinh tế là gì?

- a. Phát triển công nghiệp nặng.
- b. Xây dựng kinh tế thị trường.
- c. Xây dựng kinh tế tự cung, tự túc.
- d. Phát triển các ngành kinh tế hướng ra xuất khẩu.

244. Thời gian và địa điểm diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai?

- a. Tháng 3-1935, tại Ma Cao, Trung Quốc.
- b. Tháng 2-1950, tại Tân Trào, Tuyên Quang.
- c. Tháng 2-1951, tại Chiêm Hoá, Tuyên Quang.
- d. Tháng 3-1951, tại Việt Bắc.

245. Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2-1951) đã nêu ra những tính chất gì của xã hội Việt Nam?

- a. Dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến.
- b. Dân chủ và dân tộc.
- c. Thuộc địa, nửa phong kiến.
- d. Dân tộc và dân chủ mới.

246. Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam xác định nhiệm vụ chính, trước mắt của cách mạng Việt Nam là gì?

- a. Hoàn thành giải phóng dân tộc.
- b. Xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến.
- c. Phát triển chế độ dân chủ nhân dân.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

247. Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam xác định nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc là giai cấp, tầng lớp nào?

- a. Công nhân, nông dân và lao động trí thức.
- b. Công nhân, lao động trí thức và tư sản dân tộc.
- c. Công nhân và nông dân.
- d. Công nhân, tư sản dân tộc và nông dân.

248. Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam xác định động lực của cách mạng là ai?

- a. Nhân dân.
- b. Công, nông và lao động trí thức.
- c. Giai cấp công nhân.
- d. Lao động trí thức.

249. Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng (1/1959) xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?

- a. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
- b. Phương pháp hòa bình.
- c. Đấu tranh ngoại giao với Mỹ.
- d. Đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

250. Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960) xác định nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng Việt Nam là gì?

- a. Cách mạng Xã hội chủ nghĩa để xây dựng Chủ nghĩa cộng sản.
- b. Cách mạng giải phóng dân tộc, tiến tới thống nhất đất nước.
- c. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- d. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc.

251. Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960) xác định cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò, nhiệm vụ gì đối với cách mạng cả nước?

- a. Có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ CM Việt Nam.

- b. Có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.
- c. Phụ thuộc vào CM xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- d. Có vai trò hoàn thành con đường đi lên chủ nghĩa cộng sản của CM Việt Nam.

252. Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960) xác định cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò, nhiệm vụ gì đối với cách mạng cả nước?

- a. Có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam.
- b. Có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.
- c. Có vai trò hỗ trợ cho sự nghiệp hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
- d. Có vai trò hoàn thành con đường đi lên chủ nghĩa cộng sản của cách mạng Việt Nam.

253. Hội nghị trung ương lần thứ 11 (3/1965) và Hội nghị trung ương lần thứ 12 (12/1965) xác định cuộc đấu tranh trên mặt trận nào có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ?

- a. Đấu tranh quân sự.
- b. Đấu tranh chính trị.
- c. Đấu tranh ngoại giao.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

254. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được thông qua tại đại hội nào của Đảng?

- a. Đại hội II.
- b. Đại hội III.
- c. Đại hội IV.
- d. Đại hội V.

255. Thời gian và địa điểm diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba?

- a. Tháng 3-1935, tại Ma Cao, Trung Quốc.
- b. Tháng 2-1951, tại Tuyên Quang, Việt Nam.
- c. Tháng 9-1960, tại Hà Nội, Việt Nam.
- d. Tháng 12-1976, tại Hà Nội, Việt Nam.

256. Hội nghị nào của Đảng mở đường cho phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam năm 1960?

- a. Hội nghị Trung ương 12 - Khoá II của Đảng (3-1957).
- b. Hội nghị Trung ương 13 - Khoá II của Đảng (12-1957).
- c. Hội nghị Trung ương 14 - Khoá II của Đảng (11-1958).
- d. Hội nghị Trung ương 15 - Khoá II của Đảng (1-1959).

257. Đế quốc Mỹ phải chấp nhận cuộc đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ở Pari vào thời gian nào?

- a. 12/1968.
- b. 1/1969.
- c. 3/1970.
- d. 4/1971.

258. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký khi nào?

- a. 20/7/1954.
- b. 22/12/1954.
- c. 27/2/1973.
- d. 27/1/1973.

259. Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định yếu tố chủ yếu nào để tăng trưởng kinh tế?

- a. Vốn, tài nguyên thiên nhiên, khoa học và công nghệ, con người, cơ cấu kinh tế.
- b. Vốn, khoa học và công nghệ, con người, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị và quản lý nhà nước.
- c. Con người, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị và quản lý nhà nước.
- d. Vốn, khoa học và công nghệ, con người, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị.

260. Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định yếu tố nào quyết định tăng trưởng kinh tế?

- a. Vốn.
- b. Khoa học và công nghệ.
- c. Con người.
- d. Thể chế chính trị.

261. Đại hội X (2006) của Đảng chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần:

- a. Gắn với phát triển kinh tế tri thức; coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và của CNH, HĐH.
- b. Gắn với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.
- c. Gắn với nền kinh tế khép kín.
- d. Gắn với nền kinh tế thị trường, thực hiện chiến lược hàng xuất khẩu.

262. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bảo đảm nguyên tắc nào?

- a. Xây dựng nền kinh tế khép kín và hướng nội.
- b. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.
- c. Xây dựng nền kinh tế phải dựa vào sự giúp đỡ vào các nước tư bản.
- d. Xây dựng nền kinh tế mở nhưng chỉ giao lưu, hợp tác với các nước XHCN.

263. Thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định yếu tố nào là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

- a. Khoa học và công nghệ.
- b. Con người.
- c. Cơ cấu kinh tế
- d. Sự quản lý của nhà nước

264. Hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm mục đích gì?

- a. Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, thu hút công nghệ hiện đại.

- b. Học hỏi kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới.
- c. Khai thác thị trường thế giới để tiêu thụ các sản phẩm mà nước ta có nhiều lợi thế, có sức cạnh tranh cao.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

265. Trong lịch sử phát triển nền sản xuất xã hội, tiền đề nào là quan trọng cho sự ra đời và phát triển của kinh tế thị trường?

- a. Thị trường.
- b. Sản xuất và trao đổi hàng hóa.
- c. Sản xuất.
- d. Trao đổi hàng hóa.

266. Kinh tế thị trường đã có mầm mống từ trong xã hội nào?

- a. Xã hội chiếm hữu nô lệ.
- b. Xã hội phong kiến.
- c. Xã hội tư bản chủ nghĩa.
- d. Xã hội xã hội chủ nghĩa.

267. Kinh tế thị trường đã hình thành trong xã hội nào?

- a. Xã hội chiếm hữu nô lệ.
- b. Xã hội phong kiến.
- c. Xã hội tư bản chủ nghĩa.
- d. Xã hội xã hội chủ nghĩa.

268. Kinh tế thị trường phát triển cao trong xã hội nào?

- a. Xã hội chiếm hữu nô lệ.
- b. Xã hội phong kiến.
- c. Xã hội tư bản chủ nghĩa.
- d. Xã hội xã hội chủ nghĩa.

269. Trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay, thành phần kinh tế nào đóng vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để nhà nước điều tiết nền kinh tế?

- a. Kinh tế tập thể.
- b. Kinh tế tư nhân.
- c. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
- d. Kinh tế nhà nước.

270. Điền vào chỗ trống: Trong một nền kinh tế khi các được phân bổ bằng nguyên tắc thị trường gọi là kinh tế thị trường.

- a. Điều kiện kinh tế.

- b. Nguồn lực kinh tế.
- c. Quan hệ kinh tế.
- d. Môi trường kinh tế.

271. Điền vào chỗ trống: Tại Đại hội X, Đảng ta khẳng định: Kinh tế nhà nước cùng vớingày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- a. Kinh tế tư nhân.
- b. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
- c. Kinh tế tập thể.
- d. Kinh tế tư bản nhà nước.

272. Trong đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, vấn đề mấu chốt nhất và cũng là khó khăn nhất là gì?

- a. Đổi mới phương thức hoạt động của Đảng.
- b. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị.
- c. Xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa.
- d. Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội khác.

273. Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó lĩnh vực nào cần đổi mới trước hết?

- a. Chính trị - xã hội.
- b. Kinh tế.
- c. Văn hóa.
- d. Giáo dục.

274. Thuật ngữ “xây dựng nhà nước pháp quyền” lần đầu tiên được đề cập ở hội nghị nào của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- a. Tại Hội nghị Trung ương 1 khóa VI.
- b. Tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VI.
- c. Tại Hội nghị Trung ương 1 khóa VII.
- d. Tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VII.

275. Điền vào chỗ trống: Ở nước ta, chủ trương xây dựng hệ thống chính trị xác định quyền làm chủ của được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức.

- a. Chính phủ.
- b. Nhân dân.
- c. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- d. Nhà nước.

276. Điền vào chỗ trống: Nội dung xây dựng hệ thống chính trị xác định là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản.

- a. Chính phủ.

- b. Nhân dân.
- c. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- d. Nhà nước.

277. Vai trò và sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay là gì?

- a. Khả năng tập hợp quần chúng.
- b. Hiểu rõ tâm tư và nguyện vọng của quần chúng.
- c. Nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

278. Trong nội dung xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động theo cơ chế nào?

- a. Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.
- b. Nhân dân làm chủ, Đảng lãnh đạo, Nhà nước làm chủ.
- c. Đảng lãnh đạo, Nhà nước làm chủ, nhân dân quản lý.
- d. Nhân dân làm chủ, Đảng và Nhà nước quản lý.

279. Quan điểm xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới? Chọn phương án sai.

- a. Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới kinh tế.
- b. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước.
- c. Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- d. Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội.

280. Biện pháp cải cách hành chính là nhằm xây dựng thành tố nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

- a. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- b. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- c. Các đoàn thể chính trị - xã hội.
- d. Nhà nước pháp quyền XHCN.

281. Biện pháp tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội là nhằm xây dựng thành tố nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

- a. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- b. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- c. Các đoàn thể chính trị - xã hội.

d. Nhà nước pháp quyền XHCN.

282. Vai trò giám sát và phản biện xã hội là thuộc thành tố nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

a. Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Nhà nước pháp quyền XHCN.

c. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

d. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

283. Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò gì?

a. Kiểm soát.

b. Giám sát và phản biện xã hội.

c. Giám sát.

d. Phản biện xã hội.

284. Tác phẩm nào được xem như bản Tuyên ngôn, là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa?

a. Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943.

b. Đời sống mới 1947.

c. Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam 1948.

d. Kháng chiến kiến quốc 1945.

285. Đề cương văn hoá Việt Nam (năm 1943) đã xác định nguyên tắc của nền văn hoá mới là gì?

a. Tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

b. Dân tộc, đại chúng

c. Nội dung XHCN và tính chất dân tộc.

d. Dân tộc, khoa học, đại chúng.

286. Đường lối xây dựng và phát triển văn hóa giai đoạn 1955 – 1986 xác định nền văn hóa mới có tính chất gì?

a. Tính dân tộc, tính khoa học, tính đại chúng.

b. Tính dân tộc, tính đảng và tính nhân dân.

c. Tính dân tộc, tính hiện đại.

d. Tính dân tộc, tính đại chúng.

287. Nghị quyết nào của Đảng đã đề cập đến việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người VN đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước?

a. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (5/2014).

b. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (11/2013).

c. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (7/1998).

d. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (10/2016).

288. Tại Đại hội Đảng lần thứ mấy, lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội, đặt rõ tầm quan trọng của chính sách xã hội?

- a. Đại hội VI (1986).
- b. Đại hội VII (1991).
- c. Đại hội VIII (1996).
- d. Đại hội IX (2001).

289. Ở nước ta, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở nào?

- a. Phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa công hiến và hưởng thụ.
- b. Kinh tế phát triển.
- c. Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ.
- d. Phát huy mạnh mẽ dân chủ.

290. Chủ trương “làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội” phù hợp với quan điểm nào sau đây của Đảng để chỉ đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới?

- a. Văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội.
- b. Văn hóa là mục tiêu của sự phát triển xã hội.
- c. Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người.
- d. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

291. Nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng và bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, học sinh, sinh viên là gì?

- a. Là bồi dưỡng đạo đức cách mạng.
- b. Trang bị tri thức.
- c. Là lý tưởng sống, lối sống, năng lực trí tuệ, bản lĩnh văn hóa con người VN.
- d. Là nhân cách, trình độ văn hóa.

292. Nhiệm vụ cấp bách đầu tiên về xây dựng văn hóa mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày trong phiên họp của Hội đồng Chính phủ (3-9-1945) là gì?

- a. Chống nạn mù chữ và giáo dục lại tinh thần nhân dân.
- b. Diệt giặc đói.
- c. Nâng cao đời sống văn hóa.
- d. Gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

293. Ban Trung ương vận động Đời sống mới được thành lập vào thời gian nào?

- a. Tháng 8 – 1945.
- b. Tháng 4 – 1946.
- c. Tháng 12 – 1946.

d. Tháng 3 – 1947.

294. Ai là tác giả của tác phẩm *Đời sống mới* (1947)?

a. Hồ Chí Minh.

b. Trường Chinh.

c. Lê Duẩn.

d. Tô Hữu.

295. Khi viết tác phẩm *Đời sống mới*, Hồ Chí Minh đã lấy bút danh gì?

a. Trần Dân Tiên.

b. Tân Sinh.

c. Tổng Văn Sơ.

d. N.A.Q.

296. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tài liệu *Đời sống mới* vào thời gian nào?

a. 2/1947.

b. 3/1947.

c. 4/1947.

d. 5/1947.

297. Đại hội VI (1986) xác định yếu tố nào có vị trí then chốt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là một động lực to lớn đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế - xã hội?

a. Giáo dục - đào tạo.

b. An ninh quốc phòng.

c. Bảo vệ chủ quyền quốc gia.

d. Khoa học - kỹ thuật.

298. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, lần đầu tiên đưa ra quan niệm nền văn hóa Việt Nam có đặc trưng gì?

a. Nền văn hóa dân chủ mới.

b. Nền văn hóa dân tộc - khoa học - đại chúng.

c. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

d. Nền văn hóa có hình thức dân tộc, nội dung XHCN.

299. Quan niệm về nền văn hóa Việt Nam có đặc trưng: *tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc*, lần đầu tiên được thông qua tại Đại hội nào của Đảng ta?

a. Đại hội IV.

b. Đại hội V.

c. Đại hội VI.

d. Đại hội VII.

300. Hội nghị nào của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra nghị quyết về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”?

- a. Hội nghị lần thứ 3 khóa VIII.
- b. Hội nghị lần thứ 5 khóa VIII.
- c. Hội nghị lần thứ 3 khóa V.
- d. Hội nghị lần thứ 5 khóa V.

301. Đại hội VII (1991) và Đại hội VIII (1996) của Đảng ta khẳng định lĩnh vực nào có vai trò *then chốt, động lực, là quốc sách hàng đầu* trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội?

- a. Giáo dục - đào tạo.
- b. Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ.
- c. Khoa học - công nghệ.
- d. An ninh, chính trị.

302. Phong trào mà Đảng ta đã vận động nhân dân thực hiện để chống nạn mù chữ sau cách mạng Tháng Tám năm 1945?

- a. Xây dựng nếp sống văn hóa mới.
- b. Bình dân học vụ.
- c. Bài trừ các tệ nạn xã hội.
- d. Xoá bỏ văn hóa thực dân nô dịch phản động.

303. Nghị quyết Trung ương lần thứ 2 (khóa VIII) coi giáo dục – đào tạo với khoa học - công nghệ là gì?

- a. Là nhiệm vụ quan trọng nhất.
- b. Là nhiệm vụ hàng đầu.
- c. Là nhiệm vụ chiến lược.
- d. Là quốc sách hàng đầu.

304. Hội nghị Trung ương 9, khóa IX (1 - 2004) đã xác định phát triển văn hóa phải đồng bộ với phát triển lĩnh vực nào?

- a. Phát triển văn hóa phải đồng bộ với phát triển kinh tế.
- b. Phát triển văn hóa phải đồng bộ với phát triển chính trị.
- c. Phát triển văn hóa phải đồng bộ với phát triển xã hội.
- d. Phát triển văn hóa phải giữ gìn bản sắc dân tộc.

305. Thành tựu quan trọng nhất trong việc thực hiện các chính sách xã hội thời kỳ đổi mới đất nước là gì?

- a. Xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp.
- b. Hạn chế được sự gia tăng dân số.

c. Chuyển đổi từ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng XHCN.

d. Thực hiện chính sách xã hội đối với người có công với cách mạng.

306. Xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam là nhiệm vụ của ai?

a. Nhiệm vụ của giai cấp công nhân và nông dân.

b. Nhiệm vụ của những người làm công tác văn hóa.

c. Nhiệm vụ của đội ngũ trí thức.

d. Là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

307. Để triển khai chủ trương của Đảng về kinh tế đối ngoại, tháng 12 - 1987, luật nào được ban hành ở Việt Nam?

a. Luật kinh doanh hàng hải quốc tế.

b. Luật thuế xuất nhập khẩu.

c. Luật tỷ giá hối đoái.

d. Luật đầu tư nước ngoài.

308. Tại Đại hội Đảng lần thứ mấy, trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, Đảng đưa ra chủ trương thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài?

a. Đại hội VI (1986).

b. Đại hội VII (1991).

c. Đại hội VIII (1996).

d. Đại hội IX (2001).

309. Giai đoạn 1986 - 1996, Đảng ta xác lập và phát triển đường lối đối ngoại như thế nào?

a. Độc lập tự chủ.

b. Mở rộng quan hệ đối ngoại.

c. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

d. Cả ba phương án kia đều đúng.

310. Tháng 5/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13 đề ra chủ trương gì về chính sách đối ngoại?

a. Chuyển từ đối đầu sang đấu tranh và hợp tác cùng tồn tại hòa bình.

b. Tận dụng sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

c. Kiên quyết mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

d. Cả ba phương án kia đều đúng.

311. Đại hội lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) đưa ra chủ trương gì để tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế?

a. Gắn thị trường trong nước với xuất khẩu.

b. Xây dựng nền kinh tế mở, đón nhận tất cả những thành quả của chủ nghĩa tư bản.

